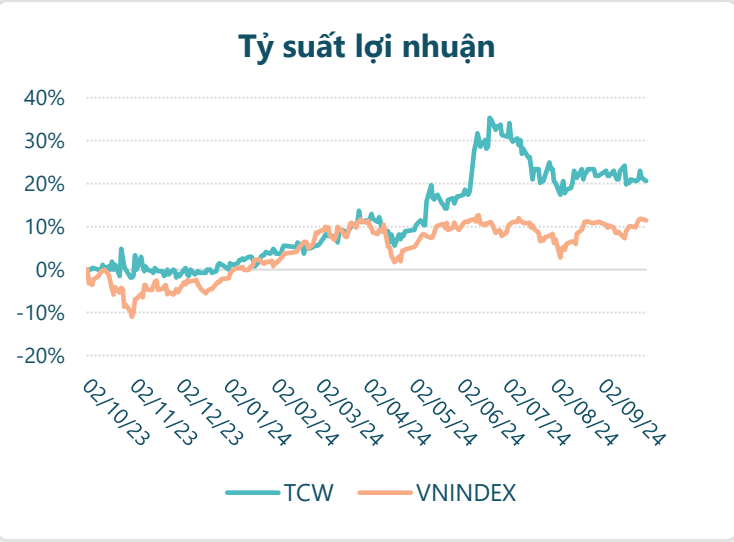


Ngày	30,300 VNĐ		
30/09/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-1.0%	-10.1%	8.2%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	24,661 - 34,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	606
Số lượng CPLH (CP)	19,991,020
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,030
Sở hữu nước ngoài	5.0%
Beta	0.58
EPS	4,713
P/E	6.4



Doanh thu thuần
Q3/24

269

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 9.00 | 3.3%

YoY: ▲ 36.0 | 15.3%

Nợ/VCSH
Q3/24

84.1%

YoY: +/-▲ 2.2%

LN gộp
Q3/24

58.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.50 | -4.0%

YoY: ▲ 6.70 | 12.9%

ROE (TTM)
Q3/24

25.8%

YoY: +/-▼ 2.3%

LN trước thuế
Q3/24

36.3

tỷ VNĐ

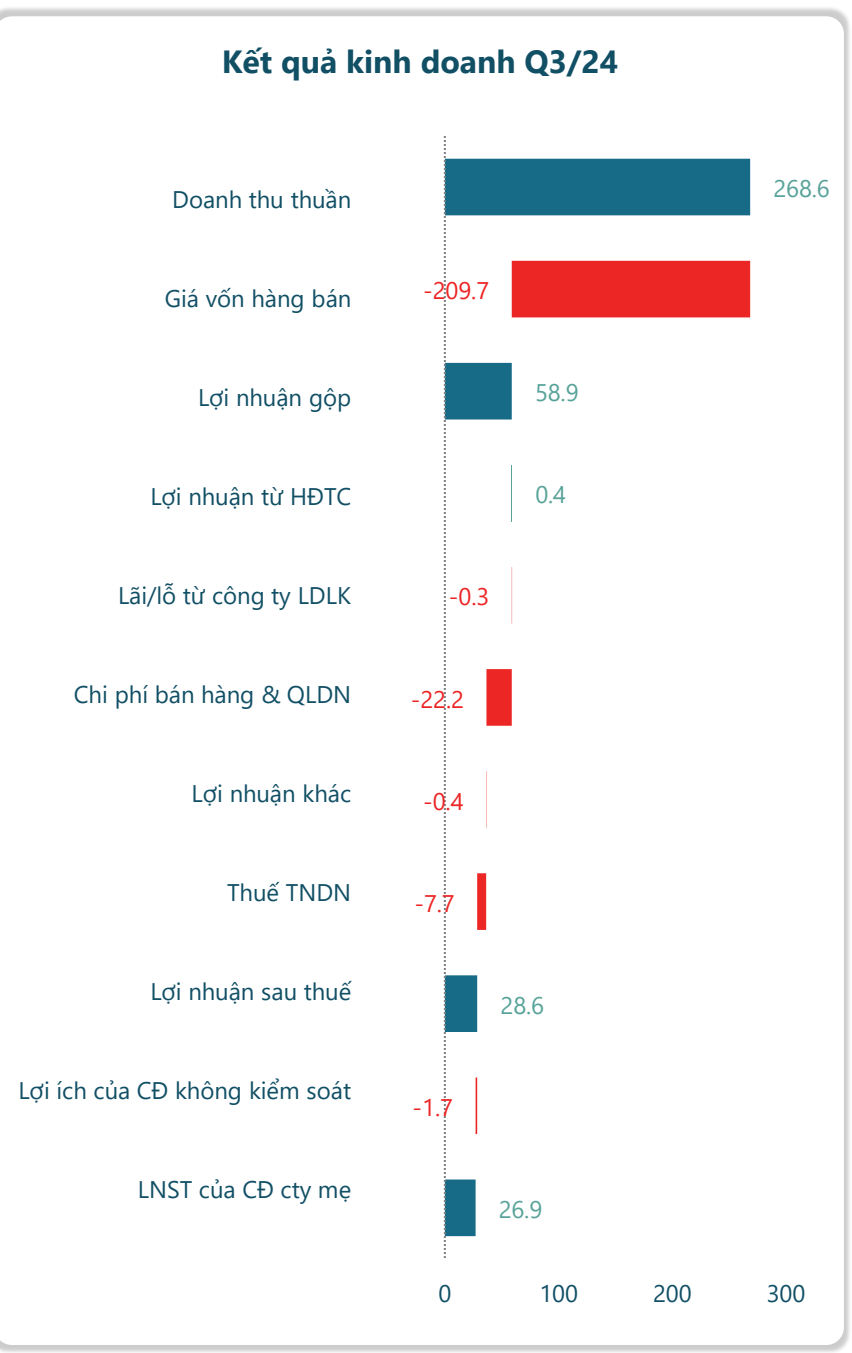
QoQ: ▲ 4.20 | 13.1%

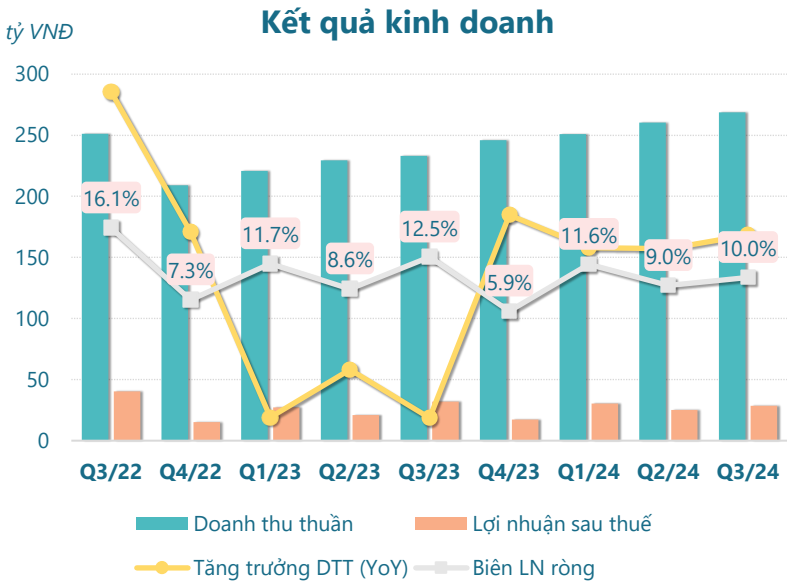
YoY: ▼2.40 | -6.2%

ROA (TTM)
Q3/24

14.3%

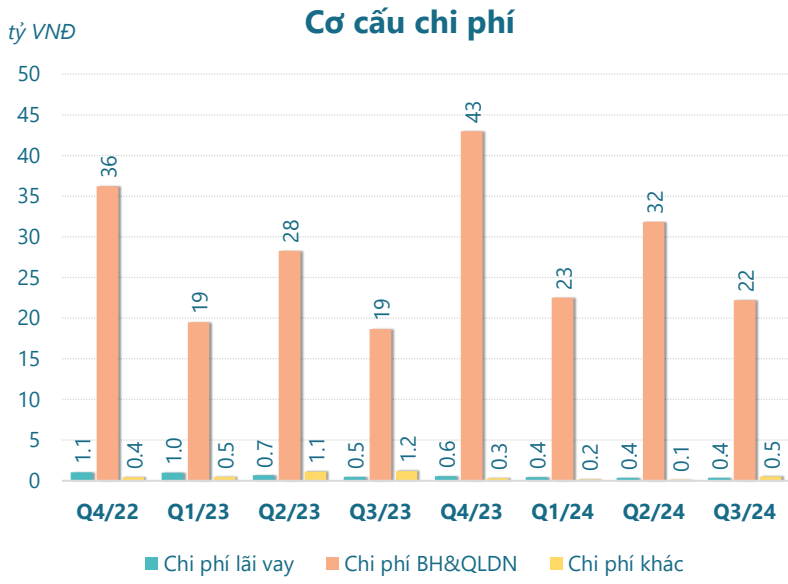
YoY: +/-▼ 1.5%





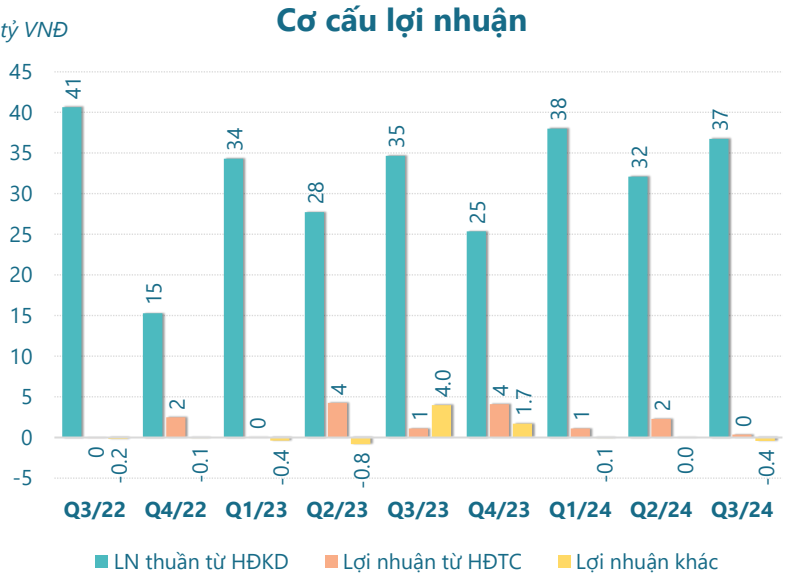
Tại quý III năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 36.75 tỷ đồng**, tăng thêm 14.4% so với kỳ trước và cao hơn 5.97% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lãi 0.36 tỷ đồng**, giảm đi 84.3% so với kỳ trước và thấp hơn 67.6% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lỗ 0.43 tỷ đồng** giảm đi 0.39 tỷ đồng so với kỳ trước và thấp hơn 111% so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **TCW** quý III năm 2024, doanh thu thuần đạt **268.6 tỷ đồng** tăng thêm **15.3%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 28.60 tỷ đồng**, giảm sút **10.5%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **780.0 tỷ đồng** cao hơn 14.2% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 84.00 tỷ đồng** cao hơn 5.00% so với cùng kỳ năm trước.



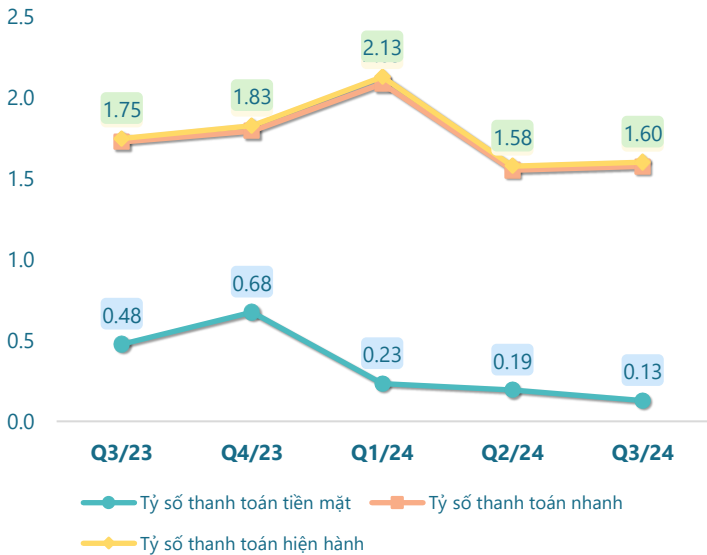
Tại quý III, chi phí lãi vay bằng **0.37 tỷ đồng** giảm đi 2.63% so với kỳ trước và thấp hơn 21.3% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **22.20 tỷ đồng** giảm đi 30.3% so với kỳ trước và cao hơn 19.0% so với cùng kỳ năm trước.

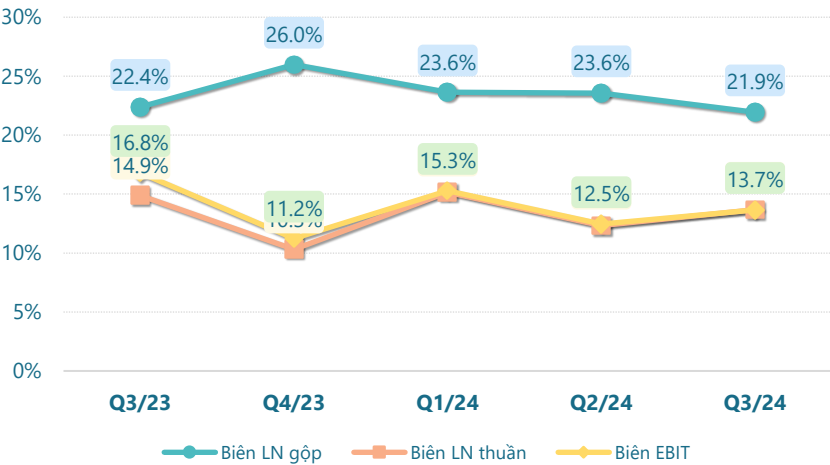
Chi phí khác bằng **0.53 tỷ đồng** tăng thêm 382% so với kỳ trước và thấp hơn 55.1% so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q2/24	Thay đổi QoQ	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	269	260	3.3%	233	15.3%	780	683	14.2%
Giá vốn hàng bán	210	199	5.4%	181	15.8%	600	525	14.4%
Lợi nhuận gộp	58.9	61.4	-4.0%	52.2	12.9%	180	158	13.3%
Doanh thu HĐTC	0.78	2.68	-70.8%	1.58	-50.4%	5.03	7.60	-33.8%
Chi phí TC	0.42	0.39	8.3%	0.47	-10.1%	1.26	2.17	-42.2%
Chi phí lãi vay	0.37	0.38	-2.7%	0.47	-21.3%	1.18	2.12	-44.5%
LN trong công ty LKLD	-0.35	0.32	-209%	0.00		0.05	-0.76	106%
Chi phí bán hàng	9.11	10.6	-14.1%	6.01	51.5%	28.1	22.3	25.8%
Chi phí QLDN	13.1	21.3	-38.5%	12.6	3.9%	48.5	44.1	9.9%
LN thuần từ HĐKD	36.7	32.1	14.5%	34.7	5.9%	107	96.7	10.5%
Lợi nhuận khác	-0.43	-0.04	-981%	4.00	-111%	-0.54	2.80	-119%
LN trước thuế	36.3	32.1	13.1%	38.7	-6.2%	106	99.5	6.9%
Lợi nhuận sau thuế	28.6	25.2	13.5%	31.9	-10.4%	84.1	79.9	5.2%
LNST của CĐ cty mẹ	26.9	23.5	14.6%	29.2	-7.8%	79.7	74.9	6.4%

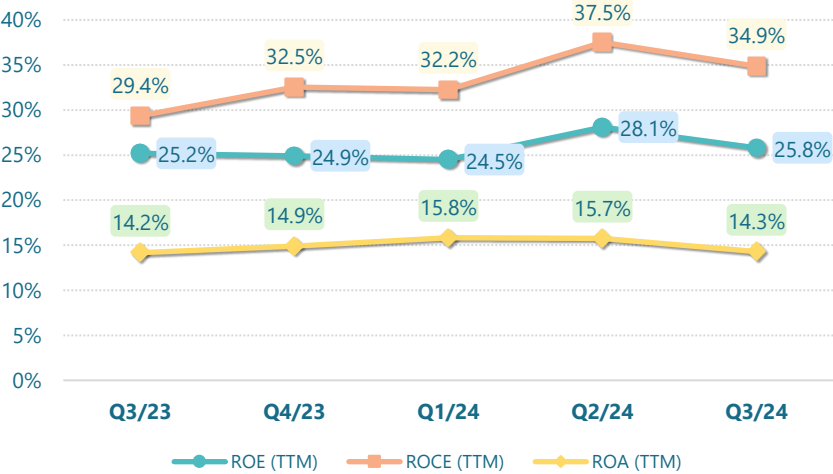
Chỉ số thanh khoản



Biên lợi nhuận



Tỷ suất sinh lợi



Vòng quay tài sản

